



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Đà Nẵng

Số 08 + 09

Ngày 17 tháng 10 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang	
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT		
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ		
17/10/2023	Quyết định số 49/2023/QĐ-UBND Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	2
16/10/2023	Quyết định số 42/2023/QĐ-UBND Ban hành Quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	17

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 40/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định một số cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1546/TTr-SCT ngày 23 tháng 6 năm 2023, Tờ trình số 1773/TTr-SCT ngày 17 tháng 7 năm 2023 và Tờ trình số 2405/TTr-SCT ngày 20 tháng 9 năm 2023 và kết quả biểu quyết của các

thành viên Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên họp thường kỳ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023 và thay thế Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- Vụ pháp chế - Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư Pháp;
- Cục Công Thương địa phương;
- TTTU, TT HĐND TP, Đoàn ĐBQH TP;
- UBMTTQVN thành phố;
- Chủ tịch và các PCT UBND TP;
- VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành; UBND quận, huyện;
- Đài PT-TH Đà Nẵng, Báo Đà Nẵng;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, KT, SCT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố (sau đây gọi chung là sở, ban, ngành); UBND quận, huyện và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện nội dung quản lý nhà nước về cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Các hoạt động khác có liên quan đến công tác quản lý cụm công nghiệp không quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp
 - Các doanh nghiệp, hợp tác xã.
 - Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thành phố Đà Nẵng.
 - Đơn vị sự nghiệp công lập được giao làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.
- Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.
- Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này các cụm từ “Cụm công nghiệp”, “Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp”, “Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp”, “Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp”, “Phương án phát triển cụm công nghiệp” được hiểu theo quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (gọi tắt là Nghị định số 68/2017/NĐ-CP) và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (gọi tắt là Nghị định số 66/2020/NĐ-CP).

Điều 4. Nguyên tắc và phương thức phối hợp

1. Nguyên tắc phối hợp

a) Thiết lập mối quan hệ phối hợp chặt chẽ và phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng giữa các sở, ban, ngành; UBND quận, huyện và các đơn vị, tổ chức có liên quan để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp.

b) Thực hiện cơ chế quản lý thống nhất từ một đầu mối là Sở Công Thương. Việc thực hiện phối hợp quản lý nhà nước trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong quá trình đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

c) Trường hợp giải quyết nội dung theo tính chất chuyên ngành, trong quá trình thực hiện, UBND thành phố sẽ giao một cơ quan chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan để giải quyết.

2. Phương thức phối hợp

a) Đối với cơ quan chủ trì

- Tổ chức cuộc họp hoặc gửi văn bản để lấy ý kiến của các cơ quan phối hợp;
- Trường hợp đơn vị chủ trì tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan phối hợp bằng văn bản; sau khi triển khai lấy ý kiến, hướng dẫn, xử lý kiến nghị liên quan đến cụm công nghiệp, cơ quan chủ trì gửi cho Sở Công Thương 01 (một) bản để tổng hợp thông tin và phối hợp thực hiện;
- Tổ chức đoàn khảo sát, điều tra các hoạt động liên quan đến dự án đầu tư, phát triển cụm công nghiệp;
- Cung cấp thông tin về những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phối hợp.

b) Đối với cơ quan phối hợp

- Có trách nhiệm tham gia góp ý tại cuộc họp và chịu trách nhiệm về ý kiến góp ý của mình. Trường hợp không thể tham dự cuộc họp, cơ quan phối hợp gửi ý kiến bằng văn bản đến cơ quan chủ trì. Nếu cơ quan phối hợp không gửi ý kiến phản hồi thì được xem như thống nhất với nội dung kết luận của cuộc họp;
- Khi được lấy ý kiến bằng văn bản, cơ quan phối hợp có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và chịu trách nhiệm xử lý nội dung công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Cử người có trách nhiệm tham gia đoàn khảo sát thực tế khi có yêu cầu.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM

CỬA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 5. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Nội dung cụ thể

a) Xây dựng, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện theo đúng quy định các cơ chế, chính sách liên quan đến đầu tư, phát triển và hoạt động của cụm công nghiệp.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp; tích hợp phương án phát triển cụm công nghiệp vào quy hoạch thành phố.

c) Hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện trình tự thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

d) Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện các thủ tục đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

đ) Tổ chức thực hiện các dịch vụ công (ưu tiên dịch vụ công trực tuyến) hỗ trợ hoạt động đầu tư và sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

e) Xây dựng cơ sở dữ liệu và quản lý thông tin về cụm công nghiệp; triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư vào cụm công nghiệp.

g) Tổ chức bộ máy, đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cơ quan quản lý nhà nước về cụm công nghiệp.

h) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá thực hiện quy hoạch, chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp; xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết các vấn đề phát sinh về cụm công nghiệp.

2. Trách nhiệm các cơ quan thực hiện

a) Sở Công Thương chủ trì tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện quản lý cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật; xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp phù hợp điều kiện của địa phương, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện các quy định.

b) Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, các đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp giải quyết các thủ tục trong quá trình triển khai, thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp và phối hợp với Sở Công Thương thực hiện nhiệm vụ tại điểm a khoản 2 Điều này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 6. Xây dựng, điều chỉnh và tích hợp phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự xây dựng phương án phát triển cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

2. Nội dung, hồ sơ và trình tự điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 40/2022/NĐ-CP ngày 20/6/2022 của Chính phủ sửa

đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định một số cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với thành phố Đà Nẵng.

3. Đối với các thay đổi nhỏ, thường xuyên về tên gọi, vị trí, diện tích (từ 5 ha trở xuống), ngành nghề hoạt động, tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật và nội dung khác về cụm công nghiệp không làm thay đổi mục tiêu, bản chất, tăng diện tích sử dụng đất của phương án phát triển cụm công nghiệp trong quy hoạch thành phố đã được phê duyệt hoặc quỹ đất dành cho phát triển các cụm công nghiệp đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Sở Công Thương báo cáo UBND thành phố xem xét, phê duyệt và báo cáo nội dung đã phê duyệt cho Bộ Công Thương để theo dõi, giám sát, cập nhật những nội dung đã thay đổi, điều chỉnh trong quy hoạch thành phố.

4. Trách nhiệm của các cơ quan thực hiện

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng, điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp theo quy định; báo cáo UBND thành phố về phương án; điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư tích hợp phương án phát triển cụm công nghiệp vào quy hoạch thành phố trên cơ sở đề xuất của Sở Công Thương và trình UBND thành phố phê duyệt làm cơ sở thực hiện.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường đánh giá sự phù hợp của phương án; điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp với phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai được tích hợp trong quy hoạch thành phố, kế hoạch sử dụng đất thành phố; đánh giá hiện trạng đất đai; đánh giá hiện trạng môi trường, công tác quản lý môi trường; dự báo tác động, biện pháp xử lý môi trường của các cụm công nghiệp và các vấn đề khác có liên quan đến lĩnh vực quản lý ngành.

d) Sở Xây dựng đánh giá phương án; điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch thành phố có liên quan đến ngành xây dựng và các vấn đề khác có liên quan đến lĩnh vực quản lý ngành.

đ) Sở Giao thông vận tải đánh giá phương án; điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch thành phố có liên quan đến ngành giao thông và các vấn đề khác có liên quan đến lĩnh vực quản lý ngành.

e) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá hiện trạng đất nông nghiệp, hệ thống công trình thủy lợi tại vị trí phương án; điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp; đánh giá khả năng ngập úng, khả năng thoát lũ khi hình thành cụm công nghiệp... và các vấn đề khác có liên quan đến lĩnh vực quản lý ngành.

g) UBND quận, huyện tham gia ý kiến về phương án phát triển cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

h) Các sở, ngành khác có liên quan tham gia ý kiến về phương án phát triển cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 7. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt việc thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

Thực hiện theo quy định tại các Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, khoản 8 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP, Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP (gọi tắt là Thông tư số 28/2020/TT-BCT).

2. Cơ quan chủ trì

a) UBND quận, huyện chủ trì, hướng dẫn chủ đầu tư lập hồ sơ báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp đảm bảo các điều kiện và nội dung theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và khoản 8, khoản 9 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 28/2020/TT-BCT.

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành:

- Thẩm định hồ sơ báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp;

- Tham mưu UBND thành phố thành lập Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; tham mưu UBND thành phố ban hành Quy định Tiêu chí lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

- Hoàn thiện hồ sơ, tài liệu liên quan báo cáo UBND thành phố quyết định hoặc không quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp;

- Thông báo trên Cổng thông tin điện tử thành phố và Trang thông tin điện tử của Sở Công Thương quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp sau khi được UBND thành phố ký ban hành.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành:

- Đánh giá sự phù hợp, tính khả thi của báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp;

- Đánh giá tư cách pháp lý của chủ đầu tư; đánh giá khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công (nếu dự án thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư công) và thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

- Sau khi có Quyết định thành lập cụm công nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện các thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo Luật đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan.

3. Cơ quan phối hợp

a) Sở Tài nguyên và Môi trường

Đánh giá sự phù hợp với phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai được tích hợp trong quy hoạch thành phố, kế hoạch sử dụng đất thành phố; hiện trạng cơ cấu sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư (nếu có); đánh giá hiện trạng môi trường, công tác quản lý môi trường, khả năng tiếp nhận chất thải xung quanh khu vực dự kiến thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; tác động môi trường của các ngành, nghề dự kiến thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp và phương án quản lý môi trường cụm công nghiệp.

b) Sở Xây dựng

Tham gia ý kiến về khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật bên trong và ngoài cụm công nghiệp và các nội dung liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý nhà nước phụ trách.

c) Sở Tài chính

Tham gia ý kiến về năng lực tài chính của nhà đầu tư để thực hiện dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Phối hợp với các Sở, ngành và UBND cấp huyện thực hiện các chính sách, chế độ hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố.

d) Sở Giao thông vận tải

Đánh giá sự phù hợp của khu vực quy hoạch thành lập, mở rộng cụm công nghiệp với quy hoạch giao thông của thành phố, phương án đấu nối giao thông vào cụm công nghiệp.

đ) Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố

Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch quốc phòng tại địa điểm thực hiện dự án.

e) Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng

Cung cấp thông tin, số liệu liên quan về hoạt động phát triển các khu công nghiệp làm cơ sở để các cơ quan liên quan đánh giá tác động ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của cụm công nghiệp.

g) Cục Thuế thành phố

Hướng dẫn các chính sách ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có).

h) Các sở, ngành, đơn vị khác có liên quan tham gia ý kiến thẩm định hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao (trong trường hợp có văn bản đề nghị).

4. Trường hợp không lựa chọn được nhà đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định hiện hành, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu văn bản báo cáo UBND thành phố, trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét đầu tư cụm công nghiệp từ nguồn vốn ngân sách thành phố.

Điều 8. Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp

1. Sau khi UBND thành phố ban hành Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tổ chức lập, điều

chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp, trình cấp có thẩm quyền tổ chức thẩm định theo quy định.

2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về quy hoạch và các quy định khác có liên quan.

3. Cơ quan chủ trì

UBND quận, huyện tổ chức thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch trên địa bàn quận, huyện quản lý theo quy định Luật Xây dựng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và các quy định khác có liên quan.

4. Cơ quan phối hợp

a) Sở Công Thương tham gia ý kiến về mục tiêu, tính chất quy hoạch cụm công nghiệp, sự phù hợp với phương án phát triển cụm công nghiệp, ngành công nghiệp trên địa bàn thành phố, sự phù hợp với báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp và các nội dung liên quan khác thuộc chức năng quản lý ngành.

b) Sở Xây dựng tham gia ý kiến đối với nhiệm vụ, đồ án quy hoạch bằng văn bản trước khi UBND quận, huyện phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư tham gia ý kiến về mục tiêu, tính chất quy hoạch cụm công nghiệp, kế hoạch đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các nội dung liên quan khác thuộc chức năng quản lý ngành.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường tham gia ý kiến đối với cơ cấu sử dụng đất đối với các phân khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật môi trường, có bố trí hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường phù hợp với ngành nghề hoạt động của cụm công nghiệp và quy định về xử lý, xả nước thải và các yêu cầu về môi trường liên quan khác và các nội dung liên quan khác thuộc chức năng quản lý ngành.

đ) Sở Giao thông vận tải tham gia ý kiến về hạ tầng kỹ thuật hệ thống giao thông cụm công nghiệp, khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật ngoài cụm công nghiệp và các nội dung liên quan khác thuộc chức năng quản lý ngành.

e) Các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

Điều 9. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và cấp phép xây dựng

1. Sau khi có quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp và quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ

thuật cụm công nghiệp tiến hành lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Nội dung lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng và các quy định của pháp luật liên quan. Khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình, chủ đầu tư tiến hành đồng thời lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

2. Đối với các công trình xây dựng của các dự án đầu tư trong cụm công nghiệp: thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế, cấp phép xây dựng dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các dự án đầu tư xây dựng khác trong cụm công nghiệp theo quy định của Luật Xây dựng, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và theo phân cấp của UBND thành phố.

4. Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện và đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

Điều 10. Lập, thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND quận, huyện, UBND phường, xã có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo phân cấp thẩm quyền, theo quy định; đồng thời kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền, theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện và đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

4. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường, gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 11. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, cho thuê lại đất trong cụm công nghiệp

1. UBND quận, huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với UBND phường, xã thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn lập, thẩm định hồ sơ thuê đất, trình UBND thành phố xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xác định giá cho thuê đất đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, báo cáo Hội đồng thẩm định giá đất thẩm định, trình UBND thành phố xem xét, phê duyệt theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

4. Cục Thuế thành phố Đà Nẵng hướng dẫn thực hiện các thủ tục để các doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị, tổ chức, cá nhân đầu tư được hưởng các chính sách ưu đãi về tiền thuê đất khi đầu tư vào cụm công nghiệp.

5. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: lập hồ sơ xin thuê đất để đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, các hồ sơ liên quan đến các chính sách ưu đãi về tiền thuê đất khi đầu tư cụm công nghiệp; lập đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công hoặc phương án quản lý, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (đối với trường hợp cụm công nghiệp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước)..., trình cơ quan có thẩm quyền có ý kiến, xem xét, phê duyệt theo quy định.

a) Trường hợp đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp từ nguồn vốn khác (chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp là doanh nghiệp, hợp tác xã)

- Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp lập thủ tục đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục cho thuê đất theo quy định để đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp;

- Sau khi được Nhà nước cho thuê đất, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện thủ tục cho thuê lại đất theo quy định đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp. Việc cho thuê lại đất phải phù hợp với quy hoạch, định hướng ngành nghề, đảm bảo môi trường trên địa bàn thành phố và phù hợp với cam kết với thành phố trong Hợp đồng cho thuê đất của Nhà nước đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

b) Trường hợp đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

- Đơn vị sự nghiệp công lập được giao làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định;

- Đơn vị sự nghiệp công lập được giao làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: xây dựng phương án giá cho thuê lại đất (sau khi có giá cho thuê đất của UBND thành phố), gửi Sở Công Thương chủ trì lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế thành phố, UBND

quận, huyện nơi có cụm công nghiệp và các đơn vị có liên quan, tổng hợp trình UBND thành phố xem xét, quyết định.

Điều 12. Tiếp nhận và thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp từ nguồn vốn ngân sách nhà nước: thực hiện tiếp nhận dự án đầu tư trong cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và phải đáp ứng tiêu chí lựa chọn tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp (nếu có).

a) Sở Công Thương đề xuất thành lập Hội đồng lựa chọn tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp để tiến hành tổ chức lựa chọn các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh đáp ứng tiêu chí.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tiếp nhận và xử lý các hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của tổ chức đăng ký đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp trên cơ sở kết quả lựa chọn của Hội đồng lựa chọn tổ chức đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp từ nguồn vốn khác (do doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư): thực hiện tiếp nhận dự án đầu tư trong cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

a) Sở Công Thương có ý kiến đối với các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo định hướng về quy hoạch, định hướng thu hút đầu tư, ngành nghề sản xuất, kinh doanh và hồ sơ các dự án di dời vào cụm công nghiệp; các cam kết của chủ đầu tư trong hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tiếp nhận và xử lý các hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư.

3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

a) Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường theo phân cấp thẩm quyền theo quy định; đồng thời kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

b) Công an thành phố tham gia ý kiến về các giải pháp phòng cháy và chữa cháy tại các điểm xây dựng công trình, cụm công trình, hệ thống giao thông cho xe chữa cháy, nguồn nước chữa cháy; hướng dẫn, thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; tổ chức nghiệm thu công trình và thực hiện các quy định khác về kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

c) UBND quận, huyện hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường theo phân cấp thẩm quyền theo quy định; đồng thời kiểm tra, giám sát và

xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

d) Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

đ) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

- Thực hiện bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp theo quy định hiện hành;

- Có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư sản xuất, kinh doanh vào cụm công nghiệp về hồ sơ, thủ tục đăng ký đầu tư sản xuất, kinh doanh vào cụm công nghiệp; phương án bố trí mặt bằng đảm bảo đúng định hướng thu hút đầu tư của thành phố; các nội dung, thủ tục liên quan đến xây dựng; giá thuê đất, nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, dịch vụ công cộng, tiện ích và thỏa thuận nguyên tắc về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê, ký hợp đồng cho thuê lại đất, quản lý, sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Khuyến khích làm đầu mối tiếp nhận các thủ tục liên quan của các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp và liên hệ với các cơ quan chức năng liên quan để thực hiện các thủ tục đầu tư, sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp đúng quy định của pháp luật.

e) UBND phường, xã hướng dẫn, tiếp nhận đăng ký môi trường của các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định hiện hành; đồng thời kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

g) Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp: thực hiện bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan.

Điều 13. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Thực hiện quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và các văn bản quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

a) Trong trường hợp cụm công nghiệp được đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước thì đơn vị sự nghiệp công lập được giao làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm xây dựng phương án giá các loại dịch vụ công cộng, tiện ích theo quy định, gửi Sở Công Thương chủ trì lấy ý kiến của Sở Tài chính và các cơ quan liên quan, tổng hợp trình UBND thành phố xem xét, phê duyệt.

b) Đánh giá định kỳ, đánh giá đột xuất về việc đáp ứng khai thác đối với các dịch vụ công cộng, tiện ích và kịp thời đề xuất sửa chữa hư hỏng về hạ tầng giao

thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải,... (nếu có) để đảm bảo hoạt động của cụm công nghiệp.

3. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp

Thoả thuận, ký kết hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp, sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ công cộng và các dịch vụ khác đúng mục đích, có trách nhiệm bảo vệ công trình công cộng, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

Điều 14. Quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh, công tác thông tin báo cáo

1. Quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và các văn bản quy định của pháp luật hiện hành.

2. Công tác thông tin báo cáo: thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 28/2020/TT-BCT và các văn bản quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Nội dung thanh tra, kiểm tra

a) Thanh tra, kiểm tra giám sát đối với Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp về việc chấp hành pháp luật về đầu tư, xây dựng, sản xuất, kinh doanh, bảo vệ môi trường.

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát về việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được hỗ trợ phục vụ phát triển cụm công nghiệp theo đúng quy định.

2. Sở Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành và các địa phương liên quan xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp và báo cáo UBND thành phố kết quả thanh tra, kiểm tra.

3. Đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường: việc phân cấp quản lý, xử phạt hành vi vi phạm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4. Các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm thường xuyên phối hợp với Sở Công Thương thực hiện công tác phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong cụm công nghiệp.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Khen thưởng, xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện Quy chế này thì được khen thưởng theo quy định; các trường hợp vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Công Thương

a) Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm quản lý cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và các nhiệm vụ được giao tại Quy chế này.

b) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai thực hiện Quy chế này; tổng hợp báo cáo kết quả định kỳ hằng năm hoặc đột xuất gửi Bộ Công Thương, UBND thành phố về tình hình triển khai thực hiện.

c) Có trách nhiệm tiếp nhận và phối hợp các cơ quan chức năng trả lời các kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp. Trong trường hợp vượt quá thẩm quyền, Sở Công Thương tổng hợp báo cáo xin ý kiến UBND thành phố.

2. Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định của pháp luật tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

3. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

Thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, Thông tư số 28/2020/TT-BCT, các quy định pháp luật khác có liên quan và Quy chế này.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện triển khai, hướng dẫn việc thực hiện Quy chế này.

2. Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện và các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan triển khai thực hiện Quy chế này theo chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Quy chế cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/2023/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số/TTr- STNMT ngày...tháng năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .../.../2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện ven biển; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường ven biển và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Biên và Hải đảo Việt Nam;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Thành ủy, TT HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- UB MTTQVN thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành thuộc thành phố;
- UBND các quận ven biển; UBND huyện Hoàng Sa;
- UBND các phường ven biển;
- Đài PTTH Đà Nẵng, Báo Đà Nẵng;
- Cổng thông tin điện tử TP Đà Nẵng;
- Lưu: VT, STNMT.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về đối tượng, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Mục tiêu

Quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Đà Nẵng nhằm bảo vệ hệ sinh thái, duy trì giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên ở vùng bờ; giảm thiểu sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển; đồng thời bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan; góp phần quản lý tổng hợp vùng bờ phục vụ phát triển bền vững.

Điều 4. Nguyên tắc

1. Quản lý hành lang bảo vệ bờ biển phải được lồng ghép thống nhất với chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; quy hoạch, kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ, đề án có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Quản lý hành lang bảo vệ bờ biển phải bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan; bảo đảm công khai, minh bạch, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp; tạo điều kiện thuận lợi để cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia tích cực và hiệu quả trong quá trình quản lý; bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN

Điều 5. Hành lang bảo vệ bờ biển

1. Hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Đà Nẵng là dải đất ven biển được thiết lập tại 21 khu vực theo Quyết định số 3421/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc Phê duyệt danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Đà Nẵng.

2. Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Đà Nẵng được xác định theo Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc Phê duyệt ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Đà Nẵng.

3. Hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển gồm:

a) Quyết định số 3785/QĐ-UBND ngày 9/10/2020 của UBND thành phố về việc phê duyệt và công bố đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm thành phố Đà Nẵng và các tài liệu kèm theo gồm: Báo cáo xác định đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm thành phố Đà Nẵng; Tập bản đồ gồm 02 mảnh bản đồ đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm thành phố Đà Nẵng ở tỷ lệ 1/25.000 (dạng giấy và dạng số), hệ tọa độ quốc gia VN: 2000, kinh tuyến trục 108⁰⁰', múi chiếu 3⁰;

b) Quyết định số 3401/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND thành phố về việc bổ sung một số nội dung Quyết định số 3785/QĐ-UBND ngày 9/10/2020 của UBND thành phố về việc phê duyệt và công bố đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm thành phố Đà Nẵng và các tài liệu kèm theo gồm: Báo cáo xác định đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm thành phố Đà Nẵng đã bổ sung khu vực Hòn Sơn Trà con; Tập bản đồ gồm 2 mảnh bản đồ thể hiện đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm thành phố Đà Nẵng đã bổ sung khu vực Hòn Sơn Trà con ở tỷ lệ 1/25.000 (dạng giấy và dạng số), hệ tọa độ quốc gia VN: 2000, kinh tuyến trục 108⁰⁰', múi chiếu 3⁰;

c) Quyết định số 3421/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc Phê duyệt danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Đà Nẵng và các tài liệu kèm theo gồm: Báo cáo danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Đà Nẵng; Tập bản đồ gồm 02 mảnh bản đồ các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Đà Nẵng ở tỷ lệ 1/25.000 (dạng giấy và dạng số), hệ tọa độ quốc gia VN: 2000, kinh tuyến trục 108⁰⁰', múi chiếu 3⁰;

d) Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc Phê duyệt ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Đà Nẵng và các tài liệu kèm theo gồm: Báo cáo xác định chiều rộng, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Đà Nẵng; Tập 07 mảnh bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Đà Nẵng ở tỷ lệ 1/10.000 (dạng giấy và dạng số), hệ tọa độ quốc gia VN: 2000, kinh tuyến trục 108⁰⁰', múi chiếu 3⁰.

Điều 6. Mốc giới và quản lý mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển

1. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển được dùng để xác định ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển trên thực địa.

2. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển phải đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật quy định tại các Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.

3. Hồ sơ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển gồm:

a) Sơ đồ vị trí và bảng thống kê vị trí, tọa độ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển được quy định tại Phụ lục 06 và 07 của Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT;

b) Bản đồ vị trí mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Đà Nẵng đã được hiệu chỉnh trên thực địa, tỷ lệ 1/10.000, hệ tọa độ VN: 2000, kinh tuyến trực 1080,00', múi chiếu 3⁰.

4. Nghiêm cấm các hành vi dịch chuyển vị trí mốc giới trái phép, hành vi phá hoại, làm hư hỏng mốc giới.

5. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển phải được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất hàng năm và có phương án khôi phục mốc giới khi bị hư hỏng, đảm bảo đúng quy cách mốc giới và vị trí mốc giới theo hồ sơ được lưu giữ.

6. Các hoạt động xâm hại, làm hư hỏng hệ thống mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển phải bị xử lý, bồi thường theo quy định pháp luật.

Điều 7. Lưu giữ, bảo quản, cung cấp, khai thác hồ sơ về hành lang bảo vệ bờ biển

1. Hồ sơ gốc hành lang bảo vệ bờ biển và hồ sơ gốc mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển được lưu giữ, bảo quản tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Việc lưu giữ, bảo quản, cung cấp, khai thác thông tin dữ liệu từ hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển và hồ sơ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển được thực hiện theo quy định của pháp luật về thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 8. Quản lý các hoạt động trong hành lang bảo vệ bờ biển

1. Các hoạt động bị nghiêm cấm trong hành lang bảo vệ bờ biển được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

2. Các hoạt động bị hạn chế trong hành lang bảo vệ bờ biển được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Điều 41 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

3. Các công trình dự án đã đầu tư xây dựng đảm bảo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, có trước thời điểm phê duyệt và công bố ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển được tiếp tục sử dụng cho đến hết thời gian được giao; được gia hạn sử dụng khi đảm bảo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và tuân thủ các quy định của pháp luật về tài nguyên môi trường biển và hải đảo, đất đai, xây dựng và các pháp luật chuyên ngành khác có liên quan.

Điều 9. Điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển

Việc điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

Điều 10. Quản lý các khu vực ven biển không thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển

Thực hiện theo quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và pháp luật chuyên ngành đảm bảo nguyên tắc quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, môi trường vùng bờ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh; bảo vệ, duy trì hệ sinh thái, cảnh quan tự nhiên ở vùng bờ; giảm thiểu sạt lở bờ biển, ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng; bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

Điều 11. Xử phạt vi phạm hành lang bảo vệ bờ biển

Các hoạt động vi phạm quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển bị xử phạt theo các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN

Điều 12. Phối hợp quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì quản lý hành lang bảo vệ bờ biển có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định tại khoản 2, Điều 39, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP;

b) Tham mưu, tổ chức quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP;

c) Lưu giữ hồ sơ gốc hành lang bảo vệ bờ biển, hồ sơ gốc mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển; cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

d) Cung cấp thông tin về hành lang bảo vệ bờ biển, cho các cơ quan có liên quan khi có yêu cầu; Cung cấp thông tin về hành lang bảo vệ bờ biển và mốc giới cho Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, Ủy ban nhân dân cấp phường có khu vực hành lang bảo vệ bờ biển để sử dụng, quản lý theo thẩm quyền;

đ) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức công bố hành lang bảo vệ bờ biển trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển;

e) Hàng năm, tổ chức rà soát, kiểm tra hiện trạng mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển và tổ chức khôi phục các mốc bị hư hỏng;

f) Thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển;

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật;

h) Định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát các vấn đề liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển khi thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền về quy hoạch, cấp phép chủ trương đầu tư các dự án ven biển nhằm tránh mâu thuẫn, chồng chéo, xung đột với hành lang bảo vệ bờ biển.

3. Sở Tài chính

Hàng năm, tại thời điểm xây dựng dự toán ngân sách, căn cứ chủ trương của cấp thẩm quyền, đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tổng hợp (đối với nguồn chi thường xuyên) báo cáo UBND thành phố trình HĐND thành phố phê duyệt dự toán chi ngân sách làm cơ sở thực hiện các nhiệm vụ tại Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường nhằm đảm bảo công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng theo thẩm quyền không mâu thuẫn, chồng chéo, xung đột với quy định về hành lang bảo vệ bờ biển.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển; công tác lập quy hoạch và các nhiệm vụ chuyên ngành có liên quan hành lang bảo vệ bờ biển đảm bảo phù hợp với các quy định, không mâu thuẫn, chồng chéo, xung đột với hành lang bảo vệ bờ biển.

6. Sở Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo lợi ích cộng đồng dân cư và doanh nghiệp đầu tư dịch vụ du lịch trên địa bàn; đảm bảo công tác quy hoạch, quản lý các hoạt động du lịch không mâu thuẫn, chồng chéo, xung đột với hành lang bảo vệ bờ biển; đảm bảo quyền tiếp cận của cộng đồng tới biển.

7. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát các vấn đề liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền về quy hoạch, thẩm định các dự án, triển khai các công trình, tuyến đường giao thông ven biển, cảng biển, bến neo đậu tàu, thuyền, tránh trường hợp chồng chéo, mâu thuẫn, xung đột với hành lang bảo vệ bờ biển.

8. Sở Nội vụ

Thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền về địa giới hành chính đảm bảo việc quản lý bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển được thuận lợi.

9. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí hoạt động trên địa bàn và Đài Phát thanh truyền hình Thành phố phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển và Quy định này để các đơn vị, tổ chức, cá nhân và nhân dân được biết và chấp hành. Chỉ đạo hệ thống truyền thanh cơ sở tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong công tác bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

10. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Công an thành phố phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan trong việc quản lý hành lang bảo vệ bờ biển bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

11. Các Sở Công Thương, Văn hóa và Thể thao, Khoa học và Công nghệ, Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng, Ban quản lý Bán đảo Sơn Trà và các bãi biển du lịch Đà Nẵng, và các sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP, các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan và Quy định này.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các quận, huyện có hành lang bảo vệ bờ biển

1. Ủy ban nhân dân các quận, huyện ven biển có trách nhiệm tổ chức quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

2. Xử lý theo thẩm quyền; báo cáo kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật quản lý hành lang bảo vệ bờ biển về Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Định kỳ hàng năm báo cáo về công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ biển của địa phương mình về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 20 tháng 12 của năm báo cáo để theo dõi, tổng hợp báo cáo chung.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các phường có hành lang bảo vệ bờ biển

1. Tổ chức quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo quy định tại khoản 3, Điều 43 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

2. Xử lý theo thẩm quyền, báo cáo kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật quản lý hành lang bảo vệ bờ biển tại địa phương mình về Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện.

3. Định kỳ hàng năm báo cáo về công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển về Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện trước ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo để theo dõi, tổng hợp báo cáo chung.

Điều 15. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khác có liên quan

Các tổ chức, cá nhân có hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển phải tuân thủ các quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP và Quy định này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

Trong thời gian chưa có mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển ở thực địa, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sử dụng Bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc Phê duyệt ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Đà Nẵng để quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển, đồng thời đảm bảo quyền lợi cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn và tổ chức triển khai quy định này.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện ven biển, Ủy ban nhân dân các phường ven biển và các tổ chức, đơn vị có liên quan phối hợp triển khai quy định này.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng xuất bản

Địa chỉ: 24 Trần Phú - Đà Nẵng

Điện thoại: 0511. 3893777

Fax: 0511.3 821286

Email: congbao@danang.vnn.vn

Website: <https://congbao.danang.gov.vn>

In tại: Công ty Cổ phần In Bưu điện